

Cơ hội và thách thức đối với bảo tồn và phát triển nghề dệt dzèng của dân tộc Tà ôi ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế¹

Lê Ngọc Huynh^(*)

Tóm tắt: Bài viết phân tích các cơ hội và thách thức trong việc bảo tồn và phát triển nghề dệt dzèng² truyền thống của người Tà ôi ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế³. Từ quan sát thực địa cho thấy, trong bối cảnh toàn cầu hóa và nhận thức ngày càng tăng về giá trị của di sản văn hóa, nghề dệt dzèng có nhiều tiềm năng phát triển nhờ chính sách hỗ trợ, giá trị văn hóa nghệ thuật độc đáo, tinh cổ kết cộng đồng và kết nối với du lịch văn hóa bền vững. Song, nghề này cũng đối diện với sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường, hạn chế vốn đầu tư, công nghệ và kênh phân phối. Ngoài ra, việc thiếu hụt thể hệ kế cận và thu nhập thấp đang ảnh hưởng đến quá trình bảo tồn tri thức truyền thống và bản quyền sản phẩm dệt.

Từ khóa: Người Tà ôi, Dệt dzèng, Trang phục truyền thống, Văn hóa tộc người

Abstract: The article examines the opportunities and challenges in preserving and developing the traditional zeng (brocade) weaving craft of the Ta Oi people in A Luei district, Thua Thien Hue province. Field research shows that in the context of globalization and the growing awareness of the cultural heritage value, zeng weaving has significant potential for growth thanks to supportive policies, distinctive cultural and artistic values, strong community cohesion, as well as its connection to sustainable cultural tourism. However, this craft faces obstacles such as market competition, limited investment capital, technology and distribution channels. Furthermore, the lack of next generations

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ: “Văn hóa của các cộng đồng cư dân vùng biên giới đất liền Việt Nam hiện nay trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị”, do TS. Trần Hồng Thu chủ nhiệm, thực hiện năm 2024-2025, thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ: “Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay”, do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì.

^(*) TS., Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: huynhathno@gmail.com

² Nghề dệt dzèng liên quan đến việc tạo ra những tấm vải dzèng - một loại thổ cẩm đặc trưng, bằng kỹ thuật thủ công. Vải dzèng không chỉ là một sản phẩm dệt mà còn mang giá trị văn hóa, tinh thần và kinh tế sâu sắc đối với người Tà ôi. Năm 2017, nghề dệt dzèng của người Tà ôi, huyện A Lưới (tỉnh Thừa Thiên Huế) được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (Quyết định số 4036/QĐ-BVHTTDL ngày 15/11/2019).

³ Xã Lâm Đốt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế trong bài viết hiện nay thuộc xã A Lưới 4, thành phố Huế theo Nghị quyết số 1675/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc “sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế năm 2025”.

of weavers and low income are affecting the process of preserving traditional knowledge and protecting the copyright of textile products.

Keywords: The Ta Oi Ethnic Group, Zeng (Brocade) Weaving, Traditional Costumes, Ethnic Culture

Ngày nhận bài: 14/6/2025; Ngày duyệt đăng: 25/6/2025

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự cạnh tranh khốc liệt của kinh tế thị trường, việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thiểu số (DTTS) gắn với du lịch đang là một xu hướng tất yếu của xã hội hiện đại. Trang phục truyền thống, tồn tại và phát triển qua nhiều thế hệ, hàm chứa giá trị văn hóa, xã hội, kinh tế, thẩm mỹ và triết học sâu sắc, khẳng định vị trí cốt lõi trong bản sắc tộc người. Nhiều quốc gia trên thế giới như Trung Quốc và Liên bang Nga đã ban hành các chính sách khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị nghề thủ công, trang phục truyền thống của các DTTS song hành cùng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đã thu được thành quả nhất định (Xem: Bortnikova, 2024; Chính phủ Trung Quốc, 1982 (sửa đổi năm 2024); Chính phủ Trung Quốc, 2011; Wang và cộng sự, 2013). Theo xu hướng đó, Chính phủ Việt Nam cũng đang nỗ lực khôi phục và đưa ra các chính sách bảo tồn, phát triển sản phẩm thủ công truyền thống, đặc biệt là nghề dệt và trang phục của các DTTS¹. Tuy nhiên, để những sản phẩm này có chỗ đứng vững chắc và phát triển lâu dài cần có đánh giá khách quan các cơ hội và thách thức; từ đó, xây dựng

mô hình và chiến lược phát triển phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tính bền vững cho sản phẩm văn hóa này, mang lại lợi ích tối đa cho người dân.

Bài viết tập trung làm rõ cơ hội và thách thức trong việc bảo tồn và phát triển nghề dệt dzèng của người Tà ôi, một dân tộc sinh sống lâu đời ở huyện miền núi biên giới tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, sản phẩm dệt dzèng của họ không chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt, lễ hội cộng đồng mà còn phục vụ thương mại. Hiện nay, với sự hỗ trợ của Chính phủ, hoạt động du lịch gắn với nghề thủ công đã hình thành các hợp tác xã dệt, điểm du lịch cộng đồng trong địa bàn người Tà ôi, tạo ra động lực mới thúc đẩy sự phát triển và mở rộng thị trường, đưa bản sắc văn hóa Tà ôi ra khắp cả nước, khu vực và thế giới.

2. Khái quát địa bàn nghiên cứu

A Lưới là huyện miền núi nằm ở phía Tây của tỉnh Thừa Thiên Huế, có chung 80 km đường biên với nước CHND Lào. Theo thống kê năm 2023, huyện A Lưới có 53.828 nhân khẩu, chủ yếu là DTTS (77%), trong đó nhóm dân tộc Tà ôi (gồm: Tà ôi, Pa cô, Pa hy), Cơ tu chiếm đa số (UBND huyện A Lưới, 2023). Xã Lâm Đốt, huyện A Lưới có hơn 5.000 người sinh sống trên diện tích tự nhiên khoảng 6.786,24 ha, trong đó dân tộc Tà ôi là 2.241 người, Cơ tu là 2.278 người. Các tộc người sống xen kẽ nhau, song cũng có một số thôn như thôn Paris - Kavın hoàn toàn là người Tà ôi (UBND xã Lâm Đốt, 2024b).

¹ Xem: Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn và Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030,...

Người Tà ôi tại xã Lâm Đốt có nền văn hóa phong phú gắn bó với môi trường sống, nổi bật qua nhà làng, nhà dài và trang phục, lễ hội. Tất cả những nét văn hóa này thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan, cũng như tính cố kết cộng đồng, tinh thần đoàn kết tộc người của người Tà ôi.

Người Tà ôi có sự đa dạng về sinh kế, song nông nghiệp vẫn là nguồn thu nhập chính. Kết quả khảo sát của Đề tài cho thấy, 89,9% người Tà ôi lấy canh tác nương rẫy kết hợp trồng lúa nước làm hoạt động mưu sinh chính; chăn nuôi nhỏ lẻ chưa mang lại hiệu quả kinh tế, gần đây một số người đi làm thuê, công nhân góp phần cải thiện kinh tế gia đình. Ngoài ra, nghề dệt và làm trang phục truyền thống cũng đóng góp khoảng 4-5 triệu đồng vào tổng thu nhập của gia đình người Tà ôi.

3. Cơ hội và thách thức trong bảo tồn và phát triển nghề dệt dzèng của người Tà ôi

3.1. Cơ hội trong bảo tồn và phát triển

3.1.1. Sự hỗ trợ đến từ chính sách của Nhà nước

Nghề dệt dzèng ở huyện A Lưới có lịch sử gắn liền với sự phát triển của tộc người Tà ôi, song, đã từng bị gián đoạn trong một thời gian bởi nhiều lý do khách quan và chủ quan. Ngày nay, nghề dệt dzèng nơi đây đang được khôi phục và phát triển trở lại nhờ những chính sách hỗ trợ mạnh mẽ của các cấp chính quyền, nhà khoa học và đặc biệt là từ chính mong muốn của người dân địa phương.

Chính phủ đã thông qua chiến lược phát triển văn hóa, xã hội của các DTTS với mục tiêu chính là giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào DTTS và miền núi. Chiến lược này là một phần của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng

bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030. Năm 2009, Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020¹. Tiếp đó là Đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa các DTTS của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch². Đặc biệt, chủ trương bảo tồn trang phục của các DTTS rất ít người trong giai đoạn hiện nay được thông qua tại Quyết định số 3508/QĐ-BVHTTDL ngày 10/10/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Dự án Bảo tồn khẩn cấp và hỗ trợ, tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào DTTS. Năm 2011, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế đã ban hành Nghị quyết về Công tác và chính sách đối với đồng bào DTTS nhằm tạo điều kiện cho người dân phát triển toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng³.

Đối với nghề dệt dzèng của dân tộc Tà ôi, huyện A Lưới, chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế đã triển khai dự án bảo tồn và phát triển nghề dệt dzèng giai đoạn 2019-2021 với nhiều nội dung cụ thể: (1) đưa

¹ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020.

² Quyết định số 1270/QĐ-TTG ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”.

³ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 23/11/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về “Công tác và chính sách đối với đồng bào DTTS Thừa Thiên Huế”. Ngoài ra còn có: Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 18/6/2014 của UBND huyện A Lưới về “Bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS huyện A Lưới giai đoạn 2014-2020”; Nghị quyết số 11/NQ-HU ngày 30/10/2012 về Chương trình xây dựng và phát triển văn hóa, du lịch huyện A Lưới giai đoạn 2012-2015 và tầm nhìn đến năm 2020; Đề án số 07/ĐA-UBND ngày 08/7/2021 của UBND huyện A Lưới về Phát triển du lịch huyện A Lưới giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

nghề dệt dzèng vào danh sách 13 làng nghề tiêu biểu của tỉnh để bảo tồn lâu dài; đề nghị cấp Giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể “Dzèng A Lưới” nhằm tạo thương hiệu cho sản phẩm¹; (2) huy động nguồn vốn hỗ trợ người dân trang bị máy móc, cụ thể hỗ trợ hợp tác xã A Co mua dàn khung dệt cải tiến trị giá 35 triệu đồng giúp tăng năng suất lên 5-7 lần so với dệt thủ công; (3) ưu tiên bố trí không gian trưng bày, bán sản phẩm tại chợ, trung tâm văn hóa cộng đồng; (4) đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, kết hợp tổ chức các tuyến du lịch làng nghề. Thông qua dự án hợp tác phát triển du lịch với Công ty Ella Viet để tư vấn cho người dân thiết kế mẫu theo nhu cầu thị trường và hướng dẫn kỹ thuật nhằm nâng cao tính ứng dụng của sản phẩm. Bên cạnh đó, tỉnh còn quy hoạch xây dựng các làng du lịch cộng đồng, làng văn hóa dân tộc với số vốn 20,8 tỷ đồng (Ngọc Ánh, 2024); (5) hỗ trợ và tổ chức thành lập các hợp tác xã nhằm hồi sinh và phát triển nghề, giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ như: Hợp tác xã Thổ Cẩm Xanh Azakooh, Hợp tác xã Dệt thổ cẩm A Co.

Sự phối hợp chặt chẽ và đa dạng giữa chính quyền địa phương (tỉnh, huyện), các mô hình hợp tác xã, tổ chức xã hội/doanh nghiệp tư nhân đã tạo ra một hệ sinh thái hỗ trợ vững chắc cho nghề dệt dzèng. Nó không chỉ giúp bảo tồn giá trị di sản mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao năng lực sản xuất và mở rộng thị trường một cách bền vững. Chính sách và các nguồn hỗ trợ đã tạo điều kiện thuận lợi cho

các hợp tác xã hoạt động hiệu quả, trực tiếp mang lại lợi ích cho người thợ dệt. Mô hình hợp tác công, tư và cộng đồng trong việc bảo tồn di sản văn hóa thể hiện cách tiếp cận tích cực, mang tính hợp tác cao. Điều này đã góp phần đáng kể vào sự hồi sinh và phát triển bền vững cho nghề thủ công, tăng năng suất, sức cạnh tranh và khả năng mở rộng thị trường, giảm thiểu rủi ro.

3.1.2. Giá trị văn hóa và nghệ thuật độc đáo của nghề dệt dzèng

Nghề dệt dzèng của người Tà ôi là sản phẩm văn hóa vật chất đặc sắc, vượt ra ngoài giá trị sử dụng thông thường. Mỗi mũi kim, sợi chỉ, hạt cườm kết hợp với nhau qua kỹ thuật dệt thủ công tinh xảo, khéo léo của người phụ nữ Tà ôi, tạo nên sự gắn kết sâu sắc giữa sản phẩm và con người, vật chất với tinh thần. Bởi vậy, nghề dệt dzèng được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia vào năm 2016 (Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, 2016).

Dưới góc nhìn nhân học, vải dzèng là một nghệ thuật thị giác giàu tính biểu tượng (Wang và cộng sự, 2013). Mỗi hoa văn trên tấm dzèng không đơn thuần là họa tiết trang trí mà còn là một “ngôn ngữ mã hóa” (Lefferts, 1998), phản ánh vũ trụ quan, tín ngưỡng và lịch sử của người Tà ôi. Các motif như hình ảnh rồng, giáo, cây, con, sao trên tấm vải đều có ý nghĩa tượng trưng cho sức mạnh, sự kết nối thần linh và mối quan hệ sâu sắc giữa con người với tự nhiên. Bởi vậy, những tấm dzèng không chỉ là vật dụng mà còn là những trang ghi chép lịch sử, tín ngưỡng, cấu trúc xã hội, hệ thống tri thức phức tạp và di sản nghệ thuật sâu sắc của cộng đồng (Green và cộng sự, 2008). Hơn nữa, trong bối cảnh toàn cầu hóa và nhận thức về môi trường, vải dzèng còn thể hiện giá trị về tính bền vững và thân thiện với môi trường (IIAD, 2024). Nguyên liệu tự

¹ Xem: Quyết định số 18702/QĐ-SHTT ngày 12/3/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ: dzèng A Lưới được chứng nhận nhãn hiệu tập thể, chủ chứng nhận là Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện A Lưới; màu sắc được chứng nhận là đen, trắng, đỏ, màu xanh lá cây.

nhiên và quy trình sản xuất thủ công, ít tác động tiêu cực đến môi trường đã đưa nghề dệt dzèng trở thành một di sản văn hóa sống động và hấp dẫn đối với giới nghiên cứu và du khách.

3.1.3. Tinh cốt kết cộng đồng và tinh thần giữ gìn văn hóa tộc người

Một phụ nữ người Tà ôi cho biết “con gái khi 12-13 tuổi là được các mẹ dạy cho biết dệt để tự làm quần áo khi đi lấy chồng” và “khi cưới, tham gia lễ hội của người Tà ôi, ai cũng phải mặc quần áo truyền thống của dân tộc mình, người khác mới biết mình là dân tộc Tà ôi”. Điều đó cho thấy, người Tà ôi luôn có ý thức sâu sắc trong gìn giữ văn hóa tộc người và tinh thần cốt kết cộng đồng. Hiện nay, việc truyền dạy phương pháp, kỹ năng dệt cho lớp trẻ vẫn được các nghệ nhân trong thôn Paris - Kavin phối hợp với cán bộ địa phương thực hiện thường xuyên (UBND xã Lâm Đốt, 2024a). Hoạt động này vừa đảm bảo duy trì lớp kế cận, vừa là hình thức tiếp nối các giá trị văn hóa, tín ngưỡng và phong tục tập quán của người Tà ôi. Ý thức sâu sắc về bản sắc tộc người và gắn kết xã hội là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất giúp duy trì và phục hồi các di sản văn hóa của người Tà ôi (Eriksen, 2002). Trong bối cảnh toàn cầu hóa, người Tà ôi đã chủ động biến trang phục truyền thống thành một “hàng rào” bảo vệ văn hóa khỏi sự mai một và thúc đẩy phát triển bền vững

3.1.4. Cơ hội phát triển gắn với du lịch

Huyện A Lưới với nhiều cảnh quan thiên nhiên đặc sắc và hệ sinh thái đa dạng, cùng với nền văn hóa phong phú là điểm lý tưởng cho du lịch bền vững. Bởi vậy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã phát triển các điểm du lịch sinh thái như A Nôr, suối Parle và làng du lịch cộng đồng A Nor, Paris - Kavin.

Nhờ nỗ lực này, năm 2024, huyện A Lưới thu hút được khoảng 75.000 lượt khách, trong đó có 5.000 lượt khách quốc tế, với tổng giá trị ước đạt 37,5 tỷ đồng (Thùy Nhung, 2025).

Sự phát triển của du lịch tạo điều kiện để bảo tồn, duy trì di sản văn hóa bản địa (Ruhanen, 2019). Nghề dệt dzèng, một sản phẩm văn hóa độc đáo, có tiềm năng thu hút khách du lịch. Việc gắn nghề dệt dzèng vào các tour du lịch cho phép du khách trực tiếp trải nghiệm quy trình dệt thủ công, mua sắm các sản phẩm dệt có chất lượng cao, mang đậm bản sắc văn hóa của người Tà ôi. Điều này không chỉ quảng bá mà còn thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân. Hơn nữa, sự kết hợp này còn giúp người dân định hình và chuyển đổi văn hóa thành sản phẩm thích ứng trong bối cảnh hiện đại, và khẳng định du lịch và bảo tồn văn hóa có thể song hành để cộng đồng phát triển bền vững (Anna, 2016).

3.1.5. Thị trường tiêu thụ sản phẩm thủ công truyền thống mở rộng

Hiện nay, quy mô thị trường hàng thủ công mỹ nghệ toàn cầu ước đạt 739,95 tỷ USD vào năm 2024, dự kiến đạt 983,12 tỷ USD vào năm 2030 (Grandviewresearch, 2025). Xu hướng này cho thấy người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến sản phẩm truyền thống, thân thiện với môi trường và có giá trị văn hóa. Họ sẵn sàng chi trả cao hơn cho những sản phẩm thủ công có nguồn gốc rõ ràng, tính bền vững, ít tác động xấu đến môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân (Grandviewresearch, 2025). Nghề dệt dzèng của người Tà ôi hội tụ đủ yếu tố đó. Sản phẩm dệt dzèng có tính độc đáo, giá trị văn hóa cao, quy trình sản xuất truyền thống và thân thiện với môi trường. Nhận thấy lợi thế này, người Tà ôi đang

tận dụng tối đa sự hỗ trợ của Nhà nước và doanh nghiệp để quảng bá sản phẩm của mình tới nhiều nơi trong khu vực và thế giới như Nhật Bản, Pháp thông qua các hội chợ triển lãm ở trong và ngoài nước.

3.2. Thách thức trong bảo tồn nghề dệt dzèng của người Tà ôi

3.2.1. Sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường và tiếp cận thị trường

Mặc dù sản phẩm dệt dzèng đang có bước tiến, nhưng phải đối mặt với nhiều thách thức. Sự cạnh tranh với hàng dệt công nghiệp giá rẻ là trở ngại lớn, vì chúng có mẫu mã đa dạng, giá thành thấp. Điều này tạo ra áp lực để làm mai một nghề dệt dzèng nếu chỉ dựa vào giá trị văn hóa. Thêm vào đó, các kênh phân phối thương mại điện tử còn hạn chế, nên sản phẩm dzèng chủ yếu tiêu thụ qua các hợp tác xã địa phương và hội chợ. Điều này hạn chế khả năng tiếp cận thị trường tiềm năng, nơi có khách hàng quan tâm đến sản phẩm thủ công, thân thiện với môi trường. Một thách thức nữa là việc chuyển đổi sản phẩm từ hệ giá trị văn hóa sang giá trị thị trường trong khi thiếu đầu tư công nghệ, do đó khó nâng cao năng suất và giữ được tính độc đáo.

Nghề dệt dzèng hàm chứa nhiều giá trị văn hóa, có tính độc đáo, đang có nhiều cơ hội để phát triển. Để nghề dệt dzèng phát triển bền vững, cần có chiến lược định vị sản phẩm rõ ràng, tập trung vào giá trị thủ công độc đáo, thân thiện với môi trường và bản sắc văn hóa. Đồng thời, cần mở rộng kênh phân phối trực tuyến, hợp tác với doanh nghiệp thời trang, du lịch để có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

3.2.2. Vấn đề đầu tư và công nghệ

Vốn tài chính là nhân tố cốt lõi ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển bền vững của nghề dệt dzèng, giúp người dân cải thiện quy trình sản xuất, điều kiện lao động

và xây dựng thương hiệu. Tuy nhiên, nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước cho việc bảo tồn và phát triển văn hóa còn thấp, trong khi, hộ gia đình thiếu vốn để thực hiện các công việc này (UBND xã Lâm Đốt, 2024a). Điều này gây ra tình trạng trì trệ trong đầu tư công nghệ và mở rộng thị trường. Do đó, Nhà nước, các tổ chức phát triển cần giúp người dân tiếp cận nguồn vốn, chuyển giao công nghệ thân thiện với môi trường nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực quản lý.

3.2.3. Vấn đề bảo tồn, bản quyền tri thức

Vấn đề bảo tồn và bản quyền tri thức là một thách thức đối với nghề dệt dzèng. Bởi số lượng nghệ nhân am hiểu nghề, có kỹ nghệ tinh xảo ngày càng giảm; nghề này đòi hỏi tỉ mỉ, kiên trì nhưng thu nhập thấp, bấp bênh khiến lớp trẻ phải đi tìm công việc có thu nhập cao hơn, dẫn đến thiếu hụt nguồn nhân lực kế cận. Đây là rào cản lớn cho sự phát triển bền vững của nghề dệt dzèng. Bên cạnh đó, hoa văn mang tính biểu tượng độc đáo, thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan và kỹ thuật dệt nổi của người Tà ôi chưa được đăng ký bản quyền và sở hữu trí tuệ. Vì thế, cần có chính sách khuyến khích và đãi ngộ đối với nghệ nhân, hỗ trợ thu nhập để lớp trẻ học nghề. Đồng thời, hỗ trợ pháp lý, tài chính đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng quỹ bảo tồn tri thức cho người dân.

4. Kết luận

Trong quá trình sinh sống và phát triển, người Tà ôi ở xã Lâm Đốt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế đã sáng tạo ra nghề dệt dzèng độc đáo. Mặc dù từng bị gián đoạn, song nghề dệt dzèng đang được phục hồi bởi người dân và sự hỗ trợ từ các cấp chính quyền. Đặc biệt, việc bảo tồn, phát triển nghề dệt dzèng gắn với du lịch cộng đồng đang thu hút được người tiêu dùng

coi trọng giá trị văn hóa, tinh thần thiện với môi trường tại các quốc gia phát triển, từng bước mở rộng thị trường. Tuy nhiên, tình trạng thiếu hụt nguồn lao động kế cận, sự cạnh tranh khốc liệt từ thị trường sản phẩm công nghiệp, nguồn tài chính hạn chế đang cản trở khả năng mở rộng thị trường, năng lực sản xuất và bảo vệ bản quyền tri thức đối với nghề dệt dzèng.

Để đảm bảo sự phát triển bền vững của nghề dệt dzèng, người dân và chính quyền các cấp cần có một chiến lược tổng thể và sự phối hợp đa chiều. Trước hết cần tập trung vào việc nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc cho người thợ dệt để thu hút thế hệ trẻ. Đẩy mạnh quảng bá và mở rộng kênh phân phối, đặc biệt là các nền tảng thương mại số để tiếp cận thị trường quốc tế. Tăng cường hỗ trợ pháp lý, nguồn tài chính để bảo vệ quyền tri thức văn hóa. Tiếp tục thúc đẩy mô hình hợp tác giữa chính quyền, cộng đồng và doanh nghiệp, trên nguyên tắc đảm bảo quyền lợi cho chủ thể văn hóa. Bởi đây là yếu tố then chốt giúp người dân bảo vệ di sản văn hóa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho cộng đồng Tà ôi sống ở khu vực biên giới □

Tài liệu tham khảo

1. Anna, Carr, Ruhaven, L. and Whitford, M. (2016), “Indigenous peoples and tourism: The challenges and opportunities for sustainable tourism”, *Journal of Sustainable Tourism*, 24: 8-9, p.1067-1079, DOI: 10.1080/09669582.2016.1206112.
2. Ngọc Ánh (2025), “Xây dựng Làng văn hóa các dân tộc huyện A Lưới thành điểm đến du lịch cộng đồng”, *Báo Dân tộc và Phát triển* ngày 07/5, [https://baodantoc.vn/xay-dung-lang](https://baodantoc.vn/xay-dung-lang-van-hoa-cac-dan-toc-huyen-a-luoi-thanh-diem-den-du-lich-cong-dong-1715071078090.htm)
3. Bortnikova, Natalya V. (2024), “Costume as a modern sociocultural code: Modes of preservation and actualization”, *Human. Culture. Education*, 3 (53), p. 70-82.
4. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2016), *Công bố Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*, Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 20/01/2026, <https://bvhttdl.gov.vn/cong-bo-danh-muc-di-san-van-hoa-phi-vat-the-quoc-gia-7388.htm>.
5. Chính phủ Trung Quốc (1982, sửa đổi 2024), *中华人民共和国文物保护法* (Luật Bảo tồn văn hóa vật thể).
6. Chính phủ Trung Quốc (2011), *中华人民共和国非物质文化遗产法* (Luật Bảo tồn văn hóa phi vật thể).
7. Eriksen, Thomas Hylland (2002), *Ethnicity and nationalism: Anthropological perspectives*, Pluto press.
8. Grandviewresearch (2025), *Handicrafts market size, share & trends analysis report by product (apparel & accessories, woodwork, glassware, potteryware), by distribution channel (mass retailers, online), by region, and segment forecasts, 2025 - 2030*, <https://www.grandviewresearch.com/industry-analysis/handicrafts-market-report>.
9. Green, Gillian, Green, Gill and Chakrabongse, Narisa (2008), *Pictorial Cambodian textiles: traditional celebratory hangings*, River Books.
10. IIAD (2024), *Promoting sustainability in traditional textiles through consumer engagement*, <https://www.iiad.edu.in/the-circle/sustainability-in-traditional-textiles-through-consumer-engagement>

11. Nghị quyết số 581/QĐ-TTg, ngày 06/5/2009, của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020”.
12. Thùy Nhung (2025), “Phát triển du lịch vùng cao A Lưới”, Báo *Pháp luật Việt Nam* ngày 27/2, <https://baophapluat.vn/phan-trien-du-lich-vung-cao-a-luoi-post540927.html>.
13. Quyết định số 209/QĐ-BVHTTDL ngày 27/01/2022 của Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch về việc “Ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.
14. Quyết định số 1270/QĐ-TTG ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”.
15. Quyết định số 3508/QĐ-BVHTTDL ngày 10/10/2013 của BVHTTDL về việc “Phê duyệt dự án bảo tồn khẩn cấp và hỗ trợ, tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (thuộc đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020” theo Quyết định số 1270/QĐ-TTG ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)”.
16. Ruhanen, Lisa và cộng sự (2019), “Cultural heritage and Indigenous tourism”, *Journal of Heritage Tourism*, 1 (14), pp. 1-13.
17. UBND huyện A Lưới (2014), *Đề án Bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số huyện A Lưới giai đoạn 2014 - 2020*.
18. UBND huyện A Lưới (2023), *Báo cáo sơ kết 02 năm triển khai Đề án số 07/ĐA-UBND ngày 08/7/2021 về Phát triển du lịch huyện A Lưới giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030*.
19. UBND xã Lâm Đót (2024a), *Đề án Bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số huyện A Lưới giai đoạn 2014-2020*.
20. UBND xã Lâm Đót (2024b), *Báo cáo về việc giám sát chuyên đề về khôi phục và phát triển nghề truyền thống giai đoạn 2021 - 2025*.
21. Wang, Yan Hui and Yi Jing (2013), “Research on the application of ethnic look for the textile visual design”, *Applied Mechanics and Materials*, No. 627, pp. 229-232, <https://doi.org/10.4028/www.scientific.net/AMR.627.229>
22. Lefferts, HL. và cộng sự (1998), “Little things mean a lot: pots and cloth in northeast Thailand”, *Journal of the Siam Society*, 1-2 (85), pp. 9-15.